

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ VỚI GIẶC BIỂN DƯỚI TRIỀU VUA MINH MẠNG (1820-1840)

Trần Thị Thu Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Ngọc Phong<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Cùng với quá trình “mở nước” về phương Nam là những hành trình giương buồm ra khơi làm chủ nhiều quần đảo, nhiều vùng biển. Lịch sử dân tộc chứng minh rằng, biển luôn có một vị thế quan trọng đối với các triều đại phong kiến. Điều đó thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế và an ninh quốc phòng, trong quá trình tồn tại và phát triển của lịch sử mấy ngàn năm. Dân tộc Việt Nam và các nhà nước kế tục quản lý đất nước luôn có ý thức bảo vệ biên giới lãnh thổ trên đất liền và ngoài biển, thể hiện chủ quyền trên biển và các hải đảo của đất nước mình. Là triều đại cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam, được thành lập trong bối cảnh nhiều thách thức, quản lý một đất nước rộng lớn với vùng biển dài rộng thì vấn đề an ninh quốc phòng và chủ quyền vùng biển rất được các vua triều Nguyễn quan tâm. Đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền vùng biển là chủ trương lớn, bao gồm nhiều hoạt động khác nhau, hoạt động này xuất phát từ cái nhìn đúng đắn về vị thế quan trọng của biển cả đối với kinh tế, an ninh quốc phòng. Tuy nhiên, những nguy cơ, thách thức đến từ biển cũng không ít, mà nạn giặc biển là một vấn nạn lớn. Dưới triều vua Minh Mạng (1820-1840), giặc biển xuất hiện nhiều trên các vùng biển của Việt Nam, mức độ cướp phá trắng trợn và thường xuyên. Để đối phó với vấn nạn này, vua Minh Mạng đã kịp thời đề ra những biện pháp hữu hiệu phòng chống giặc biển, bảo vệ ngư dân cũng như an ninh, chủ quyền biển đảo. Trên cơ sở khảo cứu một số nguồn tư liệu được biên soạn dưới triều Nguyễn với mong muốn hiểu rõ hơn về thực trạng giặc biển (chủ yếu là giặc biển đến từ nước ngoài), trong phạm vi bài viết, chúng tôi sẽ tập trung làm rõ hai nhiệm vụ: Nguồn gốc và phạm vi hoạt động của giặc biển; biện pháp đối phó cụ thể dưới triều vua Minh Mạng (1820-1840).

**Từ khóa:** triều Nguyễn, Minh Mạng, giặc biển.

### 1. MỞ ĐẦU

Vào đầu thế kỷ XIX, khi tình hình thế giới và khu vực đang có những biến động lớn, vị trí chiến lược của biển đảo ngày càng được nhận diện như một “mảnh ghép” quan trọng của chủ quyền quốc gia. Triều Nguyễn, sau khi giành được quyền lực, đã xây dựng những chính sách nhằm định hướng phát triển và bảo vệ vùng biển đảo, từ đó khẳng định chủ quyền và tạo nền tảng vững chắc cho an ninh, quốc phòng. Chống lại các hoạt động của giặc biển không chỉ là vấn đề quan trọng về an ninh quốc gia mà còn ảnh hưởng đến sự bình yên và thịnh vượng của vương triều, của đất nước. Những biện pháp chống giặc biển của các vị vua như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức đã góp phần quan trọng

<sup>1</sup> Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

<sup>2</sup> GV trường THPT&THCS Chí Đạo, xã Quyết Thắng, tỉnh Phú Thọ

trong việc duy trì, giữ vững an ninh vùng biển, bảo vệ quyền lợi của nhân dân và ngư dân, thể hiện quyền làm chủ thực sự của triều Nguyễn tại vùng biển Việt Nam.

Dưới triều vua Minh Mạng, nhờ thực hiện các chính sách như tăng cường xây dựng lực lượng thủy quân kết hợp với huấn luyện thủy quân; các hoạt động tuần tra kiểm soát kết hợp với trang bị vũ khí hiện đại; ban hành các chính sách thưởng phạt đúng đắn cho các lực lượng tham gia chống giặc biển; phối hợp với nhà Thanh là những hoạt động thường xuyên, liên tục và có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ và bổ sung cho nhau đã làm tăng hiệu quả quản lý vùng biển. Vấn đề giặc biển đã từng bước được nhà nước kiểm soát và quản lý, trên cơ sở đó góp phần tạo môi trường ổn định để ngư dân yên tâm sinh sống, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ an ninh lãnh thổ, giữ vững chủ quyền lãnh hải quốc gia, phát triển kinh tế, ổn định xã hội.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nguồn gốc và phạm vi hoạt động của giặc biển

Trong các thư tịch cổ của Việt Nam, giặc biển được nhắc đến với nhiều tên gọi khác nhau như: hải tặc, giặc Tề Ngôi, Thanh phi, giặc Tàu Ô, giặc Bò Đà, giặc Chà Và... Dựa trên các cách gọi này, có thể nhận thấy giặc biển hoạt động trên hải phận Việt Nam khá phức tạp gồm cả giặc biển có nguồn gốc từ trong nước (giặc biển trong nước) và giặc biển có nguồn gốc từ nước ngoài (giặc biển nước ngoài) [6, tr.74].

*Nhóm giặc biển trong nước* chủ yếu là tàn quân Tây Sơn hay các lực lượng muốn khôi phục quyền lực của vua Lê, chúa Trịnh. Trong đó phải kể đến giặc biển Tề Ngôi với một lực lượng khá lớn và hoạt động khá mạnh. Giặc biển Tề Ngôi vốn được quân Tây Sơn thu nạp và trở thành một bộ phận quan trọng trong lực lượng hải quân Tây Sơn, từng giao chiến quyết liệt với quân thủy Nguyễn Ánh và đã giúp thủy quân Tây Sơn trở nên hùng mạnh. Sau khi Tây Sơn sụp đổ, dưới triều Nguyễn, Tề Ngôi trở về thân phận giặc biển chính trị chống đối triều đình để khôi phục nhà Tây Sơn. Vì vậy, đây là mối đe dọa lớn đối với ngôi vị vương triều và cần phải tập trung tiêu diệt.

*Nhóm giặc biển có nguồn gốc từ nước ngoài* gồm: giặc biển đến từ Trung Quốc (triều Thanh) và từ các nước trong khu vực Đông Nam Á như giặc Chà Và (Malaysia), Gia-va (Indonesia).

Các nhóm hải tặc có nguồn gốc từ Trung Quốc thường gọi là Tàu Ô còn tên chữ trong các thư tịch cổ Việt Nam thường gọi là thủy phi, hải phi, đường phi... Theo truyền tụng phổ biến của dân gian, sở dĩ người Việt gọi là Tàu Ô bởi vì những toán hải tặc này thường đi trên những chiếc thuyền lớn sơn màu đen nên người Việt Nam gọi đó là giặc Tàu Ô.

Đây là nhóm hải tặc có quy mô tổ chức lớn nhất, hoạt động rộng nhất từ Bắc đến Nam, tập trung chủ yếu ở miền Bắc và miền Trung.

Ở vùng biển miền Bắc, *Đại Nam thực lục* đã ghi lại phạm vi hoạt động của giặc biển Trung Quốc. Vua dụ hai bộ Hộ, bộ Binh rằng: “*Miền đất duyên hải Hải Dương và Quảng Yên thuộc hạt Bắc Thành, phần nhiều là nơi đầm vực để cho giặc biển ẩn nấp, mà trong đó thì Đồ Sơn ở Hải Dương lại càng xung yếu, trẫm từng hạ lệnh cho thành thần chọn đất đặt đồn, đó là muốn trừ tuyệt giặc già để dân ở yên*” [8, tr.874].

Ở vùng biển miền Trung, giặc biển thường xuất hiện trên các hải phận Đại Chiêm (biển Cửa Đại, Hội An ngày nay), Hải Vân (Đà Nẵng), Hoàng Sa (Đà Nẵng) quấy phá vùng biển, cướp bóc của cải thuyền buôn, và cả thuyền công, thậm chí lên bờ đốt phá nhà dân. “*Năm Minh Mạng 19 (1838), thuyền giặc nước Thanh ngả nổi lên ở phận biển của Hải Vân, cướp lấy của cải đồ vật trong thuyền ở bến đò Thanh Khê rồi đi* [8, tr.289]”; năm 1834: “*Có 2 thuyền giặc Thanh lên lút nổi lên ở hải phận Đại Chiêm, đón cướp của cải những người đi buôn, lại lên bờ đốt phá nhà dân*” [10, tr.435].

Hải tặc Chà Và được gọi dưới nhiều tên khác nhau: Chà Và, Chà Bà, Đồ Bà... Nhóm giặc biển Chà Và và Gia Va chỉ đến mùa gió nước thuận tiện mới kéo đến phận biển nước ta, đi lại cướp bóc trên mặt biển hoặc lẫn trốn tạm trên các đảo phía Nam như Phú Quốc, Côn Lôn mà không dám trú ẩn lâu dài. Địa bàn hoạt động trải dài dọc Duyên hải Nam Bộ và Nam Trung Bộ, nhiều khi kéo lên tận duyên hải Bắc Trung Bộ và thậm chí đôi lúc còn hiện diện cả ở vịnh Bắc Bộ. Theo *Đại Nam thực lục* có ghi lại “*Gia Định có giặc biển Chà Và lên lút nổi lên ở tấp phận Long Hưng thuộc Vĩnh Long, cướp bóc bắt người đem đi. Quan Trấn thủ Lê Văn Nghĩa thân đem binh thuyền đuổi bắt... Giặc liền ra đảo Côn Lôn thuộc Phiên An, đón cướp các thuyền buôn, lại lên bờ đốt nhà, cướp của*” [8, tr.958].

Giặc biển trên vùng biển Việt Nam dù có nguồn gốc khác nhau nhưng đều gây nên nỗi khiếp sợ cho các tàu thuyền khi qua lại trên biển. Phương thức hoạt động trên các vùng biển ở Việt Nam là khá giống nhau. Một trong các thủ đoạn chúng thường sử dụng là giả dạng các thuyền đánh cá của dân thường hoặc thuyền đi buôn hợp pháp để khi có cơ hội là chúng ra tay cướp bóc và chém giết, chúng đã gây nhiều khó khăn cho quan quân trong việc tiêu trừ. Bởi vậy phòng chống giặc biển là mối quan tâm lớn của nhà Nguyễn dưới triều vua Minh Mạng nhằm đảm bảo cho thuyền bè qua lại trên vùng biển được an toàn.

## **2.2. Những biện pháp phòng chống giặc biển thời Minh Mạng (1820-1840)**

**Thứ nhất, tổ chức huấn luyện và trang bị vũ khí, phương tiện kĩ thuật cho lực lượng thủy quân**

Thời kì trị vì của Minh Mạng đánh dấu bước phát triển vượt bậc trong việc trang bị vũ khí và huấn luyện lực lượng thủy quân triều Nguyễn, tiếp nối nền tảng đã được xây dựng từ thời Gia Long. Với tư duy quân sự bài bản, triều đình chủ trương tái tổ chức lực lượng thủy binh theo hướng chuyên nghiệp. Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến việc củng cố cả về nhân lực lẫn phương tiện tác chiến. Các xưởng đóng thuyền chuyên dụng được mở rộng, trong đó việc ứng dụng kỹ thuật phương Tây kết hợp với kinh nghiệm được tích lũy nhằm chế tạo các loại chiến thuyền phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Đây là bước tiền quan trọng trong việc nâng cao năng lực của thủy quân góp phần vào bảo vệ chủ quyền vùng biển của đất nước.

Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), vua ra chỉ dụ *“nay thủy quân ở Kinh, hiện đã đặt thêm nhiều, mà các địa phương ven biển cũng đều có thủy quân... Tất cả phải diễn tập cho tinh thạo, phòng khi dùng đến”* [3, tr.395]. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), vua đưa ra chỉ dụ *“đặt ra ngạch luyện binh cốt để mạnh sức phòng thủ ở lúc vô sự, mà sẵn sàng cho sự động dụng ở lúc có việc”* [10, tr.256].

Công việc huấn luyện thủy quân chèo thuyền được thực hiện qua dạy học lý thuyết và thực hành. Về lý thuyết, vua giao cho Quản suất thực hiện công việc giảng dạy bằng cách *“hướng dẫn binh trong sổ quân, bảo ban kỹ lưỡng, đem đồ bản phân biển, của biển, các hạt, chỉ bảo tình hình hiểm dễ, dạy cho cách xem núi, đo nước, đem sách tập nghiệm đường biển, giảng rõ ngày, giờ, tiết, hậu, dạy cho việc xem sắc gió đi, tránh, lấy can, chỉ ở địa bàn phân phối độ số địa cầu, dạy cho biết xem kim định hướng, để ngày càng quen biết”* [11, tr.430]. Học đi đôi với hành, vua cho thủy binh thực hiện diễn tập với cường độ cao, ngay cả khi có mưa lụt thì thủy quân vẫn phải *“đặt chỗ chèo ở trên bờ, chiếu theo lệ cưỡi thuyền diễn tập”, “nếu bỏ thiếu và không chịu làm hết sức, đều tùy nhẹ, nặng phân biệt trừng trị”* [3, tr.397]. Một điểm rất mới mà tiến bộ là vua cho lực lượng thủy quân đi thực tế, cò sạt trên biển, vừa được luyện tập mà cũng dần quen thuộc với đường biển hơn năm Minh Mạng thứ 12 (1831) vua ra chỉ dụ: *“Bờ cõi đất nước ta dài suốt biển lớn từ trước đến nay vẫn coi thủy sư là giỏi nghề suốt biển. Nay gặp lúc ngoài biển gió thuận, sóng yên, phải nên thao diễn quân thuyền cho được tinh thạo thêm lên, nhân thế mà tuần tiễu mặt biển, cũng là làm một việc mà được 2 việc”* [3, tr.397].

Về chiến thuật thủy chiến, năm Minh Mạng thứ 19 (1838), vua cho truyền Trương Đăng Quế cùng các đại thần để truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm thủy chiến để biên soạn thành sách dạy cho binh lính *“Kìa như thi thư để dạy học trò, võ Kinh để dạy quân đội, từ trước đều thế, riêng đánh trận ở dưới nước, chưa có sách làm ra cho người học tập, trẫm [Minh Mạng] cũng biết qua một vài phương pháp phương Tây, muốn các người tính nghĩ kỹ càng, làm thành quyển thành pho, cho binh lính ngày đêm học tập”* [10, tr.318]. Nội dung chính của những phép thủy binh được tóm lược trong 6 nội dung chính

nói về: tính kỷ luật được thắt chặt trong quân đội, đặc biệt là thủy quân; nâng cao khả năng làm chủ tốc độ của người chèo lái trong trận; nâng cao khả năng linh hoạt ứng phó, thích nghi với những tình huống xấu trên biển; phải các định được những mục tiêu quan trọng để tiêu diệt tránh lãng phí hỏa lực; sử dụng hỏa lực kết hợp với đặc công dưới mặt nước; và cuối cùng là cách bày binh bố trận trong những trận thủy chiến.

Với mục tiêu xây dựng một đội quân giỏi cả thủy lẫn bộ, vua Minh Mạng chủ trương huấn luyện cho thủy binh kỹ thuật cơ bản tác chiến của bộ binh. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) vua cho chỉ dụ thủy quân mỗi ngày sẽ tập bắn súng 2 lần “*buổi sáng bắt đầu trước mặt trời mọc 1 khắc, đến lúc lậu xướng khắc 1 thì thôi. Buổi chiều bắt đầu từ lúc lậu xuống 8 khắc đến khi mặt trời lặn thì thôi. Phàm tới khi thao diễn gặp mưa thì đình chỉ ngay*” [3, tr.378]. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), vua lệnh cho “*Quản vệ vệ Loan giá là Tôn Thất Tường; Lang trung bộ Binh là Hồ Công Thiện, đem theo thị vệ, hộ vệ cùng đi đường trạm, đem cái bè nổi ấy, để ở trước mặt đảo Diên Châu, chỗ con đường tàu thuyền ngoài biển ra vào tất phải qua đây, châm chước định liệu tầm súng, bắn thử 3 phát súng xung tiêu, 10 phát súng hồng; rồi lại đem cái bè nổi ấy, dời đến trong vụng chỗ tàu thuyền vẫn đậu đỗ, lại bắn thử như trước, để nghiệm xem bắn có trúng hay không, và sức súng bắn ra được mấy trượng thước, đăng ký rõ ràng trở về phúc tâu*” [11, tr.832].

Về công tác trang bị, vua Minh Mạng coi đây là “*vật cần dùng trong việc quân, việc nước*” [10, tr.482] trong đây, thuyền là thứ không thể thiếu. Năm 1827, Minh Mạng ra quy định và luật lệ về việc “*đại tu*” và “*tiểu tu*” cho các xưởng đóng thuyền “*Thuyền lớn thuyền nhỏ cần phải dựng xưởng là 256 sở, xin định làm bốn hạng, phân biệt cấp tiền theo giá (một sở hạng nhất tiền 250 quan, hạng nhì 200 quan, hạng ba 150 quan, hạng tư 70 quan)....Lại lấy năm dựng xưởng mà bắt đầu khoa, cứ 3 năm một khoa tiểu tu, 6 năm một khoa đại tu; sau đại tu lại tiểu tu, sau tiểu tu lại đại tu, hết vòng lại bắt đầu; đều cứ ngày bắt đầu dựng mà ứng cấp số tiền, tiểu tu thì 3 phần 10, đại tu thì 5 phần 10*” [8, tr.650]. Bên cạnh những thuyền gỗ, thuyền bọc đồng, thuyền hơi nước được vua Minh Mạng đặt sự quan tâm và cho mua loại thuyền này. Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), một bản tấu sớ của bộ Công với nội dung “*nay mới mua về một chiếc tàu chạy bằng hơi, chạy rất mau, không kể gió nước ngược xuôi, không cần người chèo đều đi được cả, mà chạy rất mau. Phụng sắc: sẽ y thức làm cái tàu cho lớn, đem bộ máy ấy lắp vào. Phải giữ gìn máy cẩn thận đừng để cho bụi vào bản, rỉ. Vậy xin đặt các viên, binh coi ngó và tháo ra để trên xưởng kéo mua lạt sắp đến hư hỏng. Nếu người chuyên trách việc ấy bất cẩn sẽ bị trị tội nặng*” [1, tờ 56]. Đã có 3 chiếc tàu hơi nước được đóng trong thời Minh Mạng là Vụ Phi, Yên Phi và Vân Phi, điều đó chứng minh rằng vua Minh Mạng là một người thức thời khi biết học hỏi những phương tiện kỹ thuật của phương Tây trong việc trang bị thủy binh.

Năm Minh Mạng thứ 20 (1839), ban hành sắc chỉ cho các huyện quân kiêm vận tải nội địa được trang bị vũ khí tự vệ, đặc biệt để ngăn chặn giặc biển. Các khẩu súng được lắp đặt tại mũi thuyền và hai mạn tả hữu, đảm bảo khả năng phòng thủ chủ động trong suốt hành trình “*thuyền Hải Vận, ở đầu thuyền chia đặt 1 cỗ súng gang Hồng y; 2 bên tả, hữu, dùng xen lẫn 6 cỗ súng các hạng như: Vũ công, Phách sơn, Thành công, Quà sơn. Mỗi chiếc thuyền Điện Hải, thì 2 bên tả, hữu, hoặc dùng xen vào 4 cỗ súng các hạng như Vũ công, Phách sơn, Thành công, Quà sơn; mỗi cỗ 50 hòm đạn. Nhưng chọn lấy cỗ súng gang Hồng y do ngoại dương đúc ra để chính vào đầu thuyền*” [4, tr.488]. Bên cạnh đó, Minh Mạng còn cấp kính thiên lý để dễ dàng phát hiện mục tiêu từ xa trên biển.

Như vậy, dưới thời Minh Mạng, thủy quân được huấn luyện bài bản một cách khoa học có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành và được trang bị đa dạng loại chiến thuyền, nổi bật là tàu bọc đồng và tàu hơi nước. Bên cạnh các mẫu chiến thuyền hiện đại này, triều đình còn huy động tàu bè địa phương tham gia nhiệm vụ tuần tra và bảo vệ vùng biển. Lực lượng hải quân cũng được trang bị phong phú các loại vũ khí: từ hỏa pháo đến súng hỏa mai, đồng thời phát triển thêm khí tài chuyên dụng nhằm tăng cường khả năng phòng thủ. Những dữ liệu trên cho thấy vua Minh Mạng đặc biệt chú trọng công tác tổ chức và trang bị cho thủy quân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền trên vùng biển rộng lớn của đất nước.

**Thứ hai, giao Bộ Binh bàn định thể lệ binh thuyền và giao việc đóng thuyền đi tuần trên biển cho bộ Công.** Trong Đại Nam thực lục đã ghi rõ: “*Hai việc ấy bắt hai bộ phải làm cho xong, nếu chương trình bàn định, gián hoặc có chỗ không chu đáo, để cho quan quân đi bắt giặc, còn có thể vin lời dùn đẩy, không chịu đem hết sức để bắt giặc, thì cứ hỏi tội ở bộ Binh. Nếu đóng thuyền đi tuần, xem thử không được nhanh tiện, thì cứ hỏi tội ở bộ Công*” [7, tr.240].

Vua Minh Mạng đã dụ bộ Binh: “*trước kia vùng Thanh Hóa và Nam Định bọn giặc bề thường có vài ba chiếc thuyền đón các thuyền buôn mà cướp bóc, sau đều bị quan quân vây bắt, địa phương được yên bình, nay tỉnh Quảng Nam lại có tin báo này, liệu những hồn ma lũ chuột không thể dễ lâu, cần bắt giết ngay, tức thì sai quan vệ úy là Nguyễn Đức Trường quản lĩnh binh thuyền ra bể dò thám, vây bắt; lại khiến các quan từ Quảng Trị trở ra bắc, từ Quảng Nam trở vào nam, đều theo địa phận thuộc hạt, sai quân đi tuần tiểu, nếu gặp thuyền buôn người tàu có hình dạng khác thường, mà trong thuyền chứa đồ binh khí, súng đạn, tình binh nghi ngờ, bắt mà trị tội*” [7, tr.121]. Những quy định cụ thể về tuần phòng giặc biển đã dần được mở rộng phạm vi hơn trước. Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà vua giao Bộ Binh bàn định thể lệ binh thuyền các tấp phân đi tuần biển từ tấp Thuận An vào đến Đà Nẵng thuộc Quảng Nam, phía Bắc đến Việt Yên thuộc Quảng Trị. Hàng năm, tháng 2 mùa xuân, tháng 8 mùa thu, khi có thuyền công vận

tải và thuyền buôn đi lại, thì cứ theo số lính, dân, phu và thuyền ở tấn phận, chia ra hai lần, thay đổi lẫn nhau. Mỗi lần đi tuần thì “*một chiếc thuyền ô, 15 lính và phu đem theo súng, khí giới và hỏa khí, theo tấn phận mình đi lại tuần tiễu, đủ 1 ngày đêm thì về... Nếu tấn phận nào gặp có giặc biển hoặc thuyền có đáng lạ, ngày thì bắn 3 phát đại bác, đêm thì phóng 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu... Còn không ở vào những tháng ấy, chuẩn cho viên giữ tấn phân vớt lấy 1-2 chiếc thuyền đánh cá, dăm ba người phu ra biển tuần tra các giới phận tiếp giáp: gặp có dịp quan trọng khẩn cấp, lập tức phi báo*” [9, tr.192-193].

**Thứ ba, tăng cường tuần tra, kiểm soát vùng biển:** Trước những hoạt động ngày càng mạnh mẽ và tinh vi của các nhóm giặc biển, vua Minh Mạng đã có nhiều biện pháp thiết thực nhằm trấn áp và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại mà giặc biển gây ra cho tàu thuyền và cuộc sống của ngư dân sống vùng ven biển.

Hoạt động tuần tra trên biển để đối phó với giặc cướp phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên như hướng gió, các dòng chảy trong biển. Năm 1838, vua Minh Mạng đã “*Sai bộ Công xét biên các sách, phàm nói đến chiều gió có thể giúp cho việc đi biển nên tiến đi, nên đậu lại, cùng xét ngược lên từ Minh Mạng năm thứ nhất đến nay, ngày nào tháng nào thuyền công hòng việc, có thể làm chứng nghiệm cho các sách chia loại biên tập... gọi là sách Hải trình tập nghiệm*” [11, tr.429] nhằm giúp việc tuần tra đường biển được thuận lợi và an toàn. Đồng thời, Vua quy định các địa phương có bờ biển từ Quảng Bình trở ra bắc, vốn là nơi có nhiều giặc biển đón cướp thuyền công được phái đi Bắc thành. Các địa phương này, hàng năm từ tháng 3 đến tháng 7 phải tổ chức phái thuyền binh trong hạt tới những nơi ở các đảo mà thuyền giặc biển có thể đậu được, kiểm soát an ninh: “*Nếu thấy thuyền “dị dạng”, tình trạng đáng ngờ thì lập tức bắt giải*” [7, tr.425-426]. Không chỉ ở phía bắc, mà dưới thời Minh Mạng cũng ghi nhận giặc biển ở phía nam là “giặc Chà Và”. Như năm 1833, có đến hơn 20 thuyền giặc biển Chà Và cướp bóc ở vùng biển Khánh Hòa. Tổng đốc Phú Yên, Khánh Hòa hợp binh với Quảng Ngãi cùng tuần tiễu, đuổi đánh. “*Đến tháng 7-1836, giặc Chà Và lại cướp bóc ở Phú Yên, binh thuyền đuổi đánh, bắt được 8 tên*” [10, tr.982-983]. Minh Mạng cử các hạm thuyền lớn cùng số lượng lính khá đông để tuần tra, đánh đuổi hải tặc. Như năm 1839, vua cùng lúc cử lính ở Kinh và bốn cơ quân thủy, bộ, quân, vệ hơn 500 người, đi 10 chiếc thuyền Thanh Hải, Định Hải, Tuần Hải, ô thuyền chia làm hai đạo để tuần tiễu giặc biển. Đây là những thuyền hạng lớn tham gia tuần tiễu thể hiện quyết tâm chống giặc biển của vua Minh Mạng.

**Thứ tư, định lệ thưởng phạt trong phòng chống giặc biển:** Để việc phòng chống giặc biển và bảo vệ an ninh biển đảo được hiệu quả, vua Minh Mạng đã có những chính sách thưởng, phạt rõ ràng. Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ có chép quy định: “*hải phận nào giặc nổi lên một lần, mà viên tấn thủ và bộ biên hoặc sơ suất không nghe biết,*

hoặc là xét bắt không nhanh, để đến nỗi bọn giặc chạy thoát được, thì đem viên thủ ngự ở hải phận sở tại giáng 4 cấp; quân vệ, quân cơ do tỉnh phái điều giáng 2 cấp, suất đội điều giáng 1 cấp... Còn như thuyền binh Kinh phái qua hạt ấy mà không biết đánh dẹp, thì quân vệ cũng đều giáng 2 cấp, suất đội điều giáng 1 cấp” [10, tr.433].

Đối với những trường hợp bắt được giặc biển, nhà vua đều tán dương và thưởng lớn. Chẳng hạn, năm 1839 vua Minh Mạng định lệ thưởng phạt như sau: “Nếu bắt được thuyền giặc hạng lớn thì mỗi chiếc thưởng 100 quan tiền, hạng nhỏ thì mỗi chiếc thưởng 500 quan tiền, bắt sống được 1 đứa thì thưởng 30 quan tiền, chém được 1 cái đầu thì thưởng 20 quan tiền” [4, tr.434].

### **2.3. Kết quả quả và hạn chế của hoạt động phòng, chống giặc biển**

Qua tìm hiểu hoạt động phòng chống giặc biển dưới triều vua Minh Mạng có thể thấy rằng, hoạt động này đã thu được một số kết quả nhất định và góp phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của dân tộc. Qua đó thể hiện sự nỗ lực không ngừng của triều Nguyễn trong việc phòng trừ giặc biển khi chúng liên tục oanh tạc và lộng hành.

Thứ nhất, triều đình không chỉ bắt được giặc biển mà còn thu được cả thuyền bè, súng ống, khí giới. Năm 1830, thành Gia Định dâng sớ báo có thuyền giặc đi lại, cướp bóc của cải và thuyền của dân, Tổng trấn Lê Văn Duyệt phái binh thuyền và nghiêm đốc các trấn chia đường đón bắt, “chém được vài thủ cấp, bắt được trên 10 tên, lấy được thuyền súng ống, khí giới” [9, tr.87]. Năm 1838, binh thuyền tuần bắt của Tổng đốc Hải-An Nguyễn Công Trứ bắt được 50 tên giặc Bồ Đà thu nhiều súng ống, khí giới. Cũng trong năm 1838: “... ghe buôn Nguyễn Văn Nhơn bị hải tặc người Thanh cướp tại hải phận Quảng Ngãi, ghe buôn Nguyễn Nguyễn Văn Triêm bị cướp tại hải phận Hải Vân. May có ghe tuần dương nên khỏi bị mất tất cả” [2, tr.114].

Năm 1839, “giặc lại ở cửa Đại Chiêm, đón cướp thuyền công giải của kho Quảng Ngãi, Suất đội Nguyễn Văn Trí ra sức đuổi bắt, đâm chết 4 tên giặc, cứu được 2 chiếc thuyền buôn. Vua nghe tin, ngợi khen, thưởng cho quan quân ở chuyến đi ấy được kỷ lục và tiền có từng bậc. Lại phái một Quân vệ bộ binh hai Suất đội Thủy sư ở Kinh và trên 90 biên binh, chia ngôi thuyền phòng dương, thuyền hiệu Tuần hải, đi ngay đuổi bắt, định cứ bắt được một chiếc thuyền giặc, thưởng cho 500 quan tiền” [12, tr.327].

Thứ hai, hoạt động phòng chống giặc biển đã mang lại hiệu quả rất lớn trong vấn đề bảo vệ sự an bình của biển đảo, là bằng chứng chứng minh được sự nỗ lực của triều đình nhà Nguyễn trong công tác bảo vệ chủ quyền các vùng biển Việt Nam.

Thông qua các hoạt động phòng chống giặc biển đã cho thấy các vua Triều Nguyễn rất quan tâm đến việc bảo vệ an ninh lãnh thổ biển. “Dưới triều Nguyễn mối đe dọa an ninh thường xuyên là giặc biển. Tuần tra kiểm soát, đảm bảo an ninh biển đồng nghĩa với việc thực thi chủ quyền và bảo vệ vận tải công, bảo vệ thuyền buôn, thuyền đánh cá.

*Chính sách đảm bảo an ninh trên biển được thực hiện thường xuyên, xuyên suốt và có thể nói triều Nguyễn đã có nhiều nỗ lực trong việc giữ yên vùng biển. Hàng năm vào mùa vận tải, từ tháng 3 đến tháng 7 âm lịch, thủy quân ở Kinh được phái đi theo hai đoàn Nam, Bắc để tuần tiễu, tập trung nhiều ở các vùng có hải tặc đe dọa để bảo vệ vận tải và hàng hải. Thủy vệ các tỉnh có hải phận cũng ra biển theo địa phận của mình tuần tra”* [2, tr.38]. Đây cũng là việc làm bảo đảm an toàn cho các thuyền buôn yên tâm đi lại trên biển. Việc làm này còn góp phần phát triển nền hàng hải trên biển và công cuộc xây dựng hải quân thời trung đại Việt Nam. Vua ra sức đẩy mạnh sự nghiệp hàng hải, khuyến khích đóng các loại tàu thuyền bền chắc, xây dựng thủy quân vững mạnh, hết sức quan tâm nền an ninh cõi biển và phòng thủ biển. Dưới thời vua Minh Mạng cũng đã ban bố các quy chế như “tuần dương chương trình”, “tuần thuyền quy thức”... nhằm mục đích chống giặc biển, trạm dương và giữ gìn an ninh cho các loại tàu thuyền hoạt động ven biển...

Bên cạnh đó, trong hoạt động phòng chống giặc biển vẫn còn những hạn chế. Vũ khí chống giặc biển khá ít và thô sơ. Theo như hồi ký của Edward Brown và Trương Vĩnh Ký đã cho biết: *“Thuyền của chúng được thiết kế và đóng đặc biệt. Thuyền chúng không chạy bằng máy, có ba cột buồm lớn hình cánh dơi và khoảng 50 người chèo. Thuyền làm bằng gỗ có đóng đai sắt, vừa để đánh cá mà cũng là thuyền trận. Thuyền được trang bị súng đại bác, thủy thủ sử dụng dao, mã tấu, câu liêm, móc sắt... Thuyền có 3 tầng: tầng trên hết bằng phẳng có trí súng đại bác, là nơi giao chiến khi xáp trận và cũng là nơi kéo cá lên khi đi đánh cá. Tầng giữa là nơi người ở, hai bên mạn thuyền có chừa lỗ cao hơn mặt nước, các mái chèo được đưa ra ngoài dùng để chèo thuyền đi. Tầng cuối để lương thực, nuôi súc vật, chứa nước uống, kho súng đạn... tương tự như thuyền trận đế quốc La Mã. Trong thuyền có thiết kế nhiều ô con bằng gỗ kiên cố để không cho nước tràn vào làm chìm thuyền khi thuyền bị bắn thủng hay có sự cố tương tự như tàu chở dầu ngày nay. Trong tình trạng đó tàu vẫn chạy như thường và có thể hàn gắn vết thủng trong một thời gian ngắn. Một chiếc Tàu Ô cỡ lớn có thể chở một thủy thủ đoàn vài trăm người, có đủ lương thực nước uống nuôi sống họ trong vài tháng trên biển mà không cần ghé bờ tiếp tế. Giặc Tàu Ô là mối đe dọa lớn về an ninh Việt Nam trong vùng biển. Chúng chia thành nhiều nhóm ẩn trú trong vịnh Hạ Long, Quảng Yên về sau tiến vào vùng bờ biển phía nam, nhất là vào thời kỳ Tự Đức. Giặc Tàu Ô khi ẩn khi hiện, lại thêm thiện chiến, vũ khí đầy đủ, hiện đại nên thủy quân Việt Nam không thể dẹp yên được... tình trạng này kéo dài đến khi Pháp cai trị Việt Nam”* [5, tr.135-136]. Đôi khi việc tuần bắt giặc biển không có kết quả, có khi còn bị thua phải rút về. Năm 1837, ở phận biển Chu Mai (Thừa Thiên) có giặc biển đón cướp thuyền buôn gạo *“phủ ngự là Phạm Văn Thuận đem thuyền đi bắt nhưng đuổi không kịp”* [14, tr.52]. Hay năm 1838, Lê Dục Đức là hội phủ Quảng Yên đem thuyền đi tuần tiễu bắt giặc biển *“vừa đến phận Hà Lũy nghe tin quân bắt giặc dẫn đi trước là Trần Ích, gặp giặc đánh nhau ở đảo Đũa, chậm trễ không đến tiếp viện, bỗng gặp gió mùa mạnh, quân lính bị giặc thừa cơ đánh chìm mất thuyền, Đức tả tơi dẫn quân về”* [10, tr.267].

### 3. KẾT LUẬN

Dưới triều vua Minh Mạng, các vùng biển Việt Nam từ phía Bắc đến phía Nam luôn phải thường xuyên đối mặt với nạn giặc biển. Giặc biển đến từ nhiều vùng khác nhau, quy mô và mức độ cướp phá thì liên tục tăng lên với nhiều thủ đoạn, cách thức. Và giặc biển vẫn luôn là nỗi ám ảnh đối với các ngư dân, là mối đe dọa thường trực đối với chủ quyền biển đảo của đất nước. Vua Minh Mạng đã rất nỗ lực để thực hiện các biện pháp đối phó, các hoạt động phòng chống giặc biển. Có thể thấy, các hoạt động chủ yếu là tuần tra kiểm soát vùng biển và hải đảo, chú trọng phát triển hải quân, phối hợp chặt chẽ với nhân dân và có chính sách thưởng phạt đúng đắn trong phòng chống giặc biển. Mặc dù còn một số hạn chế nhưng hoạt động phòng, chống giặc biển đã thu được một số kết quả nhất định và góp phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của dân tộc, thể hiện quyền làm chủ thực sự của triều Nguyễn trong việc phòng chống giặc biển

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Châu Bản triều Nguyễn (mục lục), Bản thảo viết tay, Triều Minh Mạng, Thiệu Trị, tự Đức (đến năm 1857), 122 tập, Tư liệu đề tài khoa học cấp Nhà nước KX-ĐL: 94-16.
2. Lê Tiến Công (2015), *Tổ chức phòng thủ và hoạt động, Bảo vệ vùng biển miền Trung dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1885*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Huế.
3. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 5, Nxb Thuận Hóa.
4. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 8, Nxb Thuận Hóa.
5. Patrick J. Honey (2001), “Việt Nam vào thế kỷ XIX qua hồi ký của Edward Brown và Trương Vĩnh Ký”, Trương Ngọc Phú giới thiệu và chú giải, *Nghiên cứu Huế* (2): 130 – 149.
6. Nguyễn Duy Phương, Nạn cướp biển trên vùng biển Quảng Nam – Đà Nẵng dưới triều Nguyễn (1802- 1884), *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, ISSN 1859-1531, số 2 (111), tr.74-78.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 6, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Phương Nga, Thủy quân nhà Nguyễn thời vua Minh Mạng, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2 (10), 2016.

## SOME MEASURES TO COUNTER PIRATES UNDER THE REIGN OF EMPEROR MINH MẠNG (1820 – 1840)

*Tran Thi Thu Ha, Nguyen Ngoc Phong*

**Abstract:** *Along with the process of expanding the nation southward were voyages that set sail to assert control over numerous archipelagos and maritime regions. The history of Vietnam shows that the sea has always held an important position for its feudal dynasties. This is clearly reflected in both economic activities and national defense throughout the nation's history spanning several millennia. The Vietnamese people and the successive states governing the country have consistently been conscious of protecting territorial borders on land and at sea, thereby asserting sovereignty over the nation's waters and islands. As the last feudal dynasty in Vietnamese history, established amid numerous challenges, the Nguyễn Dynasty had to govern a vast territory with an extensive coastline. Accordingly, the Nguyễn kings placed great importance on matters of national defense and security, as well as on safeguarding sovereignty over the seas. Ensuring national defense, security, and maritime sovereignty was a major policy of the dynasty. This policy encompassed many different activities and stemmed from a sound understanding of the sea's crucial role in the nation's economy and defense. However, the sea also posed numerous dangers and challenges, among which piracy was a major scourge. During the reign of Emperor Minh Mạng (1820–1840), pirates often appeared in Vietnamese waters and carried out brazen acts of plunder on a regular basis. In response to this threat, Emperor Minh Mạng promptly devised and implemented effective measures to combat piracy, thereby protecting fishermen and safeguarding the security and sovereignty of the nation's maritime and island territories. Based on the examination of several sources compiled under the Nguyễn dynasty, with the aim of gaining a clearer understanding of the reality of piracy (primarily foreign pirates), this article focuses on two main tasks: first, to clarify the origins and scope of pirate activities; and second, to analyze the specific countermeasures adopted during the reign of Emperor Minh Mạng (1820–1840).*

**Keywords:** *Nguyễn Dynasty, Minh Mạng, pirates.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 24-9-2025; ngày chấp nhận đăng: 06-10-2025)*